TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/DS-PT
Ngày: 04-5-2020
V/v tranh chấp quyền về lối đi qua và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp quyền về lối đi qua và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS – ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2020/QĐPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Hồng A, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số nhà 240D, Khu phố A1, Phường A7, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số nhà 238, ấp B, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn M:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số nhà 238, ấp B, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1955;

2. Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1980;

3. Anh Trần Ngọc D, sinh năm 1982;

4. Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1985;

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975;

6. Chị Dương Thị Cẩm H2, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số nhà 238, ấp B, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Hồng A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng A trình bày:

Bà có phần đất thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại: Ấp B, xã P, thành phố BT, phần đất này giáp với phần lộ công cộng nằm trên thửa 373 do ông Trần Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giáp ranh hai thửa 372 và 373 là một con mương. Một phần của thửa 373 là lộ công cộng, là đường đi của nhiều hộ phía trong và rẽ qua nhiều xóm khác.

Trước đây, để đi vào phần đất thửa 372 bà sử dụng lối đi trên đất ông M, lối đi này gia đình bà A đã sử dụng từ năm 1978, tuy nói là lối đi nhưng thực tế là một cây cầu bằng xi măng bắc qua mương ranh, hiện trạng sử dụng thì ½ cây cầu nằm trên phần mương ranh của bà và ½ còn lại nằm trên phần mương ranh đất của ông M chiều dài khoảng 2m và chiều ngang hơn 1,5m.

Khoảng tháng 9/2017, bà không hiểu lý do vì sao vợ chồng ông M thông báo sẽ không cho bà đi trên lối đi mà bà đang sử dụng và hai ngày sau thì gia đình ông M trồng một cây dừa cao khoảng 2m, rào kẽm gai chắn ngang lối đi vào đất của bà, gây khó khăn cho bà trong việc chăm sóc vườn và thu hoạch cây trái. Đến ngày 15/ 9/2017, chị C (không rõ họ tên đầy đủ) là người mua dừa trên phần đất của bà vào mua dừa như thường lệ nhưng khi chuyển dừa ra ngoài ngang phần đất của ông M thì vợ ông M không cho nhưng sau khi thương

lượng, bà M nói chỉ cho một lần sau này không đồng ý cho đi trên lối đi này nữa. Từ khi gia đình bà M không cho đi ngang phần đất để vào đất, bà không vào được đất và không thu hoạch cây trái trong vườn.

Nay bà khởi kiện yêu cầu gia đình ông Trần Văn M phải mở lại lối ngay vị trí cũ để bà thuận tiện trong việc vào chăm sóc và thu hoạch cây trái trong vườn. Bà đồng ý thanh toán giá trị bằng tiền đối với phần diện tích đất mở lối đi theo giá nhà nước định giá và yêu cầu gia đình ông M phải bồi thường thiệt hại cho bà (do không thu hoạch được cây trái) mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ tháng 9/2017 đến tháng 7/2019, số tháng không thu hoạch được huê lợi là 22 tháng, tổng cộng là 22.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn M và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Phần đất của ông là thửa 373 giáp ranh với đất của bà A. Bà A đi vào vườn của bà phải đi qua đất của ông, cụ thể lối đi là một cây cầu đan, ½ cầu nằm trên đất bà A, ½ cầu nằm trên đất gia đình ông như lời trình bày của bà A là đúng. Trước đây, gia đình ông đã hiến một phần đất làm lộ liên ấp, phần lộ này tiếp giáp đất bà A, lối đi tranh chấp này trước đây do ba của bà A sử dụng bắc nhờ qua đất ông M ½ cây cầu để vào đất, gia đình ông M cũng không có ý kiến gì vì đây là tình làng nghĩa xóm.

Tháng 8/2017, địa phương có kéo nước sạch về nông thôn để phục vụ sinh hoạt của bà con trong xóm, đường ống nước để dẫn vào các hộ bên trong có đi ngang qua phần đất của bà A. Mặc dù, đã được nhiều người dân yêu cầu và chính quyền địa phương vận động cho đặt đường ống ngang trên đất bà A để đảm bảo sử dụng lâu bền nhưng bà A không đồng ý, cho rằng đường ống có thể đi trên đất của nhà ông M và lý do nữa là đường ống nước đi ngang qua đất sẽ làm ảnh hưởng đến việc thu hoạch nấm mối hàng năm của bà, trong khi đó đường ống cần đi một đường thẳng theo khảo sát của Công ty cấp nước, hiện tại đường ống nước của những người dân xung quanh cũng còn đặt giữa con mương ranh của thửa 372 và thửa 373. Một lý do khác là do hai phần đất giáp nhau nên việc gà nhà ông nuôi bay qua đất hay có xảy ra việc mất cây trái trong vườn, bà A đều có ý nghi kỵ gia đình ông điều này cũng làm ảnh hưởng tâm lý của gia đình ông.

Gia đình ông có yêu cầu bà A tìm lối đi khác, vì ở tứ cận khác xung quanh là đất của những người bà con của bà A, ngoài ra bà A cho rằng ông trồng cây dừa cản trở lối đi là không đúng vì ông chỉ trồng cây trên đất của gia đình, phần rào không có rào kẽm kiên cố mà chỉ kéo lưới mục đích là không cho gà bay qua

đất bà A. Việc đi trên lối đi cũ hay tạo một lối đi mới thì gia đình ông đồng ý thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

Đối với yêu cầu phần bồi thường thiệt hại của bà A số tiền 22.000.000 đồng ông M không đồng ý vì gia đình ông không có tác động nào dẫn đến thiệt hại cây trái trong vườn của bà A, bà A cho rằng do chắn lối đi bà không vào được đất nhưng xung quanh đất cũng có những hộ giáp ranh bà A không liên hệ để thu hoạch cây trái của mình là việc của bà A, không phải trách nhiệm của gia đình ông. Trước đây, ông có yêu cầu phản tố yêu cầu nếu bà A đi trên lối đi cũ phải trả cho gia đình ông M số tiền 20.000.000 đồng nhưng nay ông M không yêu cầu phải trả tiền nữa, ông không đồng ý cho bà A đi trên đất tại vị trí lối đi cũ nhưng sẽ cho bà A một lối đi khác ở vị trí cuối đất, bà A tự tạo lối đi để vào đất của bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS – ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định như sau:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Hồng A về việc yêu cầu mở lại lối đi tại vị trí cũ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Hồng A về tranh chấp quyền về lối đi qua với bị đơn ông Trần Văn M.

Buộc hộ ông Trần Văn M phải dành cho bà Bùi Thị Hồng A một lối đi ra lộ công cộng (lối đi chung) nằm trên một phần của thửa 373 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre do ông Trần Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần lối đi mới có vị trí và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 373;

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 372;

Hướng Bắc giáp thửa 460 và thửa 324;

Hướng Nam giáp thửa 373.

Diện tích lối đi mới chiều ngang 1.5m, chiều dài 2m, diện tích là 03 m^2. Bà Bùi Thị Hồng A tự cải tạo lối đi mới để sử dụng.

(có bản vẽ kèm theo, bản vẽ chỉ mang tính chất xác định thửa 373C là vị trí lối đi mới, diện tích lối đi thực hiện theo phần quyết định của bản án).

Ghi nhận hộ ông Trần Văn M không yêu cầu bà Bùi Thị Hồng A phải trả khoản tiền cho gia đình ông khi sử dụng phần diện tích đất làm lối đi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bà Bùi Thị Hồng A về việc yêu cầu hộ ông Trần Văn M phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2019 nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng A kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS – ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bên đương sự thống nhất, lối đi mà bà A yêu cầu mở để đi vào phần đất thuộc thửa 372 đã có trên 40 năm và khi đó gia đình bà A và ông M là hàng xóm lâu năm, tình cảm thuận thảo. Thực tế, phần lối đi này là nửa mương ranh giữa đất ông M và bà A, phần tiếp giáp trên đất ông M có chiều ngang khoảng 1.5m, chiều dài 2m. Tuy nhiên, hiện nay gia đình ông M và bà A có nhiều mâu thuẫn, cự cãi, ảnh hưởng đến tình lành nghĩa xóm, dẫn đến tranh chấp và lối đi này chỉ cách cổng nhà ông M khoảng vài mét, để trA việc hai bên gia đình đương sự tiếp tục có xung đột, ảnh hưởng đến tâm lý cuộc sống của hai bên nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A mở lối đi mới trên thửa 373C là phù hợp.

[2] Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ…Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi".

Theo đó, phần lối đi mới được ông M tự nguyện mở để cho bà A đi vào đất, lối đi này cũng nằm cạnh bên đường bê tông công cộng để đi vào thửa 372, có chiều ngang 1,5m, chiều dài 02m, diện tích 3m^2, vị trí lối đi này chỉ cách lối đi cũ 20m về hướng Bắc, chiều rộng và chiều dài cũng tương đương lối đi cũ, trên đất của bà A không có công trình kiến trúc, chỉ có trồng dừa và hàng tháng bà A vào thu hoạch dừa một lần, lối đi cũng không sử dụng thường xuyên mỗi ngày nên lối đi mới chỉ cách lối đi cũ 20m cũng không ảnh hưởng đến việc đi lại của bà A đồng thời cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ sử dụng đất có lối đi.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại: Bà A cho rằng hành vi tự ý trồng cây dừa và kéo rào lưới chắn ngang lối đi qua cầu vào đất là hành vi trái pháp luật, gây cản trở bà vào đất thu hoạch cây trái trong vườn mỗi tháng là 1.000.000 đồng, số tháng không thu hoạch được cây trái là 22 tháng, số tiền yêu cầu bồi thường là 22.000.000 đồng.

Theo lời thừa nhận của ông M cây dừa do ông M trồng và hàng rào cũng do gia đình ông M kéo nhưng mục đích là để rào không cho gà qua đất bà A vì bà A hay phiền hà việc gà hàng xóm qua đất bà nhưng không có ý cản trở lối đi của bà A, trước khi rào ông đã có thông báo bà A tìm lối đi khác và sau đó ít lâu gia đình bà A đã tháo bỏ hàng rào, còn việc cây dừa là ông trồng trên đất của ông không ảnh hưởng đến đất của bà A. Bà A cho rằng sau khi trồng dừa và làm rào thì gia đình ông M đã có lời lẽ hăm dọa cụ thể vào ngày 15/9/2017 thông báo với người mua dừa là không cho chuyển dừa đi ngang qua đất, lý do này là lời trình bày của bà A và bà cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự việc gia đình ông M có hành động hăm dọa, cản trở như bà trình bày. Như vậy, bà A đã không thực hiện việc thu hoạch cây trái trong vườn của bà, ông M tuy có trồng dừa và kéo hàng rào nhưng ông chỉ thực hiện hành vi đó trên đất của ông, không tác động trực tiếp lên cây trái hoa màu của bà A.

Về nghĩa vụ chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra, bà A cũng không cung cấp được chứng cứ tài sản bị thiệt hại thực tế là bao nhiêu mà chỉ ước lượng theo xác nhận của bà Huỳnh Thị M1 và bà Phạm Thị M2 là người mua cây trái hàng tháng tại vườn của bà A là không đủ căn cứ xác thực để xác định thiệt hại thực tế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà theo qui định tại khoản Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS – ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị Hồng A phải chịu chi phí thu thập chứng cứ số tiền là 1.015.000 đồng, bà A đã quyết toán xong.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Bà Bùi Thị Hồng A là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Bùi Thị Hồng A theo các biên lai 0014041 ngày 13/12/2017 số tiền 300.000 đồng và biên lai 0014040 ngày 13/12/2017 số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; do bà Bùi Thị Hồng A là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng A;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS – ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 254, 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 167, 171 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Hồng A về việc yêu cầu mở lại lối đi thuộc thửa 373B, thuộc một phần của thửa 373, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại: Xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Hồng A về tranh chấp quyền về lối đi qua với bị đơn ông Trần Văn M.

Buộc ông Trần Văn M và các thành viên trong hộ gia đình ông Trần Văn M gồm: Bà Đặng Thị H, anh Trần Ngọc T, anh Trần Ngọc D, anh Trần Ngọc H, chị Nguyễn Thị L, chị Dương Thị Cẩm H2 phải mở lối đi cho bà Bùi Thị Hồng

A đi ra lộ công cộng, lối đi được mở có chiều ngang 1.5m, chiều dài 2m, diện tích là 03m^2, thuộc một phần của thửa 373, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại: Xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre do ông Trần Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần lối đi có vị trí thuộc thửa 37C và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 373;

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 372;

Hướng Bắc giáp thửa 460 và thửa 324;

Hướng Nam giáp thửa 373.

(có họa đồ kèm theo, họa đồ chỉ mang tính chất xác định thửa 373C là vị trí lối đi mới, diện tích lối đi thực hiện theo phần quyết định của bản án).

Bà Bùi Thị Hồng A được tự cải tạo lối đi mới để sử dụng.

Ghi nhận hộ ông Trần Văn M không yêu cầu bà Bùi Thị Hồng A phải trả khoản tiền cho gia đình ông khi sử dụng phần diện tích đất làm lối đi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bà Bùi Thị Hồng A về việc yêu cầu hộ ông Trần Văn M phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị Hồng A phải chịu chi phí thu thập chứng cứ số tiền là 1.015.000 đồng, bà A đã quyết toán xong.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Hồng A là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Bùi Thị Hồng A theo các biên lai 0014041 ngày 13/12/2017 số tiền 300.000 đồng và biên lai 0014040 ngày 13/12/2017 số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Hồng A là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương